TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 656/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐHNGĐ-ST ngày 27/02/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh C, sinh năm 1981;

Trú tại: Đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Quốc V, sinh năm 1974;

Trú tại: Đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh C trình bày:

Chị và anh V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS, thị xã TN vào năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân là do anh V thường xuyên nhậu nhẹt, lúc say xỉn hay chưởi mắng, xúc phạm đến chị và gia đình chị; có lúc anh V còn đập phá đồ đạc, hăm dọa đốt mẹ con chị. Đến nay anh V vẫn không sửa đổi tính tình, chị không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung tên là Phan Lê Phương T, sinh ngày 28/6/2004; Phan Quốc Đ, sinh ngày 08/11/2013. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Chị làm thợ may tại nhà thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, có gia đình chị ở kế bên nhà hỗ trợ chăm sóc các con.

Chị không đồng ý giao con chung Phan Quốc Đ cho anh V nuôi dưỡng khi ly hôn là do anh V hay nhậu nhẹt, say xỉn; không chăm sóc được các con, thu nhập bấp bênh.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2019, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Quốc V trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian chung sống, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Anh thừa nhận hàng ngày có nhậu nhẹt cùng với các anh em trong gia đình chị C, lúc say xỉn có vài lần về chưởi mắng, đập phá đồ đạc trong gia đình. Cách nay 06 tháng vợ chồng đã sống ly thân, không nói chuyện với nhau. Anh không muốn gia đình đổ vỡ, muốn chăm lo cho các con nên không đồng ý ly hôn với chị C. Tuy nhiên việc hàn gắn tình cảm vợ chồng là rất khó khăn do giữa anh chị không thể nói chuyện hòa hợp.

Về con chung: Anh thống nhất có 02 con chung như chị C trình bày. Khi ly hôn, anh chỉ đồng ý giao cháu T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm thợ hàn máy nông nghiệp, thu nhập bấp bênh; nếu ly hôn anh sẽ phải đi làm thuê, thuê nhà ở riêng nhưng anh sẽ cố gắng hết sức để nuôi dưỡng cháu Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh C.

Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh C và anh Phan Quốc V.

Về con chung: Giao 02 con chung Phan Lê Phương T, sinh ngày 28/6/2004 và Phan Quốc Đ, sinh ngày 08/11/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Thanh C khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung đối với anh Phan Quốc V trú tại phường NS, thành phố TN. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị C và anh V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã NS, thị xã TN (nay là phường NS, thành phố TN), đây là là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa, anh V thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng như chị C trình bày. Anh chị chung sống không hòa hợp, sống ly thân cách nay khoảng 6 tháng. Anh V yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh V đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho chị C ly hôn với anh V theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị C và anh V có 02 con chung tên là Phan Lê Phương T, sinh ngày 28/6/2004; Phan Quốc Đ, sinh ngày 08/11/2013. Khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng các con. Anh V đồng ý giao cháu T cho chị C nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Chị C có nơi ở ổn định, làm nghề may tại nhà thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, có gia đình hỗ trợ chăm sóc các con. Khi ly hôn anh V không có nơi ở ổn định, phải đi làm thuê, thu nhập bấp bênh, không có người thân gia đình hỗ trợ chăm sóc cháu Đ; mặt khác cháu Đ còn nhỏ nên cần giao 02 con chung cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp về mọi mặt. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh C về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" đối với anh Phan Quốc V. Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh C và anh Phan Quốc V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Phan Lê Phương T, sinh ngày 28/6/2004; Phan Quốc Đ, sinh ngày 08/11/2013 cho chị Lê Thị Thanh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Chị C và anh V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh C phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp theo biên lai thu số 0006323 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND P.Ninh Sơn,TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Liên